Số: 3782/QĐ-UBND
Thời gian ký: 11/12/2025 15:52:40 +07:00

Phụ lục

KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 3782/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Huế

Đơn vị tính: ha

STT	Thành phố Huế	Diện tích đất lúa được chuyển đổi (ha)			
		Tổng diện tích	Đất chuyên trồng lúa	Đất trồng lúa còn lại	
				Đất lúa 01 vụ	Đất lúa nương
I	**Tổng số**	**286,6**	**218,9**	**67,7**	
1	Trồng cây hàng năm	224,5	193,8	30,7	
2	Trồng cây lâu năm	5,0	0	5,0	
3	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	57,1	25,1	32,0	
II	**Trong đó:**				
1	**Phường Phong Dinh**	**12**	**12**		
1,1	Trồng cây hàng năm	12	12		
1,2	Trồng cây lâu năm				
1,3	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản				
2	**Phường Kim Trà**	**1**	**1**		
2,1	Trồng cây hàng năm	1	1		
2,2	Trồng cây lâu năm				
2,3	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản				
3	**Phường Hương Trà**	**2**	**2**		
3,1	Trồng cây hàng năm	2	2		
3,2	Trồng cây lâu năm				
3,3	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản				
4	**Phường Hương Thủy**	**10,5**	**10,5**		
4,1	Trồng cây hàng năm	10,5	10,5		
4,2	Trồng cây lâu năm				
4,3	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản				
5	**Phường Hương An**	**20,3**	**20,3**		
5,1	Trồng cây hàng năm	20,3	20,3		
5,2	Trồng cây lâu năm				
5,3	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản				
6	**Phường Hóa Châu**	**19**	**16,3**	**2,7**	
6,1	Trồng cây hàng năm	15	12,3	2,7	
6,2	Trồng cây lâu năm				

STT	Thành phố Huế	Diện tích đất lúa được chuyển đổi (ha)			
		Tổng diện tích	Đất chuyên trồng lúa	Đất trồng lúa còn lại	
				Đất lúa 01 vụ	Đất lúa nương
6,3	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	4	4		
7	**Phường Phong Điền**	**8**	**8**		
7,1	Trồng cây hàng năm	8	8		
7,2	Trồng cây lâu năm				
7,3	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản				
8	**Phường Phong Phú**	**11**	**10**	**1**	
8,1	Trồng cây hàng năm	11	10	1	
8,2	Trồng cây lâu năm				
8,3	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản				
9	**Phường Phong Quảng**	**10**	**10**	**0**	
9,1	Trồng cây hàng năm	4	4		
9,2	Trồng cây lâu năm				
9,3	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	6	6		
10	**Phường Phú Bài**	**3**	**3**	**0**	
10	Trồng cây hàng năm	3	3		
10	Trồng cây lâu năm				
10	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản				
11	**Phường Thanh Thủy**	**2**	**2**	**0**	
11	Trồng cây hàng năm				
11	Trồng cây lâu năm				
11	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	2	2		
12	**Xã Khe tre**	**14**	**14**		
12	Trồng cây hàng năm	14	14		
12	Trồng cây lâu năm				
12	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản				
13	**Xã Nam Đông**	**18**	**3,5**	**14,5**	
13	Trồng cây hàng năm	12	3	9	
13	Trồng cây lâu năm	5		5	
13	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	1	0,5	0,5	
14	**Xã Phú Vang**	**12,55**	**12,55**	**0**	
14	Trồng cây hàng năm				
14	Trồng cây lâu năm				
14	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	12,55	12,55		
15	**Xã Phú Vinh**	**2,5**		**2,5**	
15	Trồng cây hàng năm				
15	Trồng cây lâu năm				

STT	Thành phố Huế	Diện tích đất lúa được chuyển đổi (ha)			
		Tổng diện tích	Đất chuyên trồng lúa	Đất trồng lúa còn lại	
				Đất lúa 01 vụ	Đất lúa nương
15	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	2,5		2,5	
16	**Xã Phú Lộc**	**31,74**	**31,74**	**0**	
16	Trồng cây hàng năm	31,74	31,74		
16	Trồng cây lâu năm				
16	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản				
17	**Xã Lộc An**	**18**		**18**	
17	Trồng cây hàng năm	18		18	
17	Trồng cây lâu năm				
17	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản				
18	**Xã Quảng Điền**	**31**	**2**	**29**	
18	Trồng cây hàng năm	2	2		
18	Trồng cây lâu năm				
18	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	29		29	
19	**Xã Vinh Lộc**	**60**	**60**	**0**	
19	Trồng cây hàng năm	60	60		
19	Trồng cây lâu năm				
19	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản				